

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2024/DS-ST  
Ngày: 13-8-2024  
V/v tranh chấp về hợp đồng dân  
sự vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nữ Thu Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Phú Hữu.
- Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-DS ngày 15/4/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 31/2024/QĐST-DS ngày 09/5/2024, Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 20/TB-TA ngày 09/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trương Ngọc T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số A, đường V, Tổ G, khóm T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Trần Đình H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà B, đường T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị đơn:* Cao Minh H1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, đường T, Tổ A, Khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn có người đại diện hợp pháp trình bày:**

Anh Trương Ngọc T với anh Cao Minh H1 có quen biết và chơi chung với nhau nhiều năm.

Ngày 25/09/2023, anh H1 hỏi vay của anh T số tiền 100.000.000đồng. Thời hạn vay là 05 ngày. Lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Mục đích vay đáo nợ Ngân hàng.

Anh H1 yêu cầu anh T chuyển khoản số tiền vay 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng.

Đến hạn trả nợ gốc, lãi nhưng anh H1 không trả tiền cho anh T. Mặc dù anh T đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở việc trả nợ nhưng anh H1 chỉ hứa mà không thực hiện và tìm cách tránh mặt.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Ngọc T yêu cầu anh Cao Minh H1 có trách nhiệm trả cho anh T số tiền vay gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 25/9/2023 đến ngày 25/12/2023 là 03 tháng với số tiền lãi là 4.980.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc, lãi mà anh H1 phải trả cho anh T là 104.980.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 26/12/2023 đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của anh T chỉ yêu cầu anh H1 trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tự nguyện không yêu cầu trả tiền lãi tính lãi từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**Bị đơn anh Cao Minh H1:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Cao Minh H1 nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh Trương Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có địa chỉ tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Trương Ngọc T yêu cầu anh Cao Minh H1 trả số tiền vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp là vi bằng số 70/2024/VB-TPLSD ngày 09/5/2024 để ghi nhận lại việc nguyên đơn trích xuất hình ảnh trong đĩa DVD thành văn bản và văn bản số phụ

tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thể hiện anh T có chuyển khoản cho anh H1 vay số tiền 100.000.000 đồng trong ngày 25/9/2023 từ tài khoản của anh T. Sau đó, anh T có gửi tin nhắn cho anh H1 để xác nhận việc chuyển khoản cũng như khi đến hạn trả nợ là ngày 19/9/2023 anh T cũng có gửi tin nhắn yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền thông qua ứng dụng mạng xã hội Zalo, số điện thoại mà anh H1 giao dịch với anh T đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là của anh Cao Minh H1. Tuy nhiên, qua xem xét nội dung giao dịch cho thấy anh H1 chỉ hứa trả tiền cho anh T nhưng vẫn không thực hiện.

Xét tiền lãi: Tại phiên tòa, anh H là người đại diện hợp pháp của anh T không yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho anh T từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do đó, căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí và bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Ngọc T.

Buộc anh Cao Minh H1 trả cho anh Trương Ngọc T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Ngọc T về việc không yêu cầu anh Cao Minh H1 phải trả tiền lãi từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Cao Minh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng.

Anh Trương Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.625.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000324 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND Tỉnh ĐT;
- CCTHADS TPCL
- (khi án có hiệu lực pháp luật);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Châu Nữ Thu Hân**